

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 116/2024/DS-ST

Ngày 06 - 5 - 2024

V/v Tranh chấp hụi

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Huỳnh Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Văn Năm.

Ông Hồ Quang Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 942/2023/TLST-DS ngày 15/11/2023 về việc “*Tranh chấp hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2023/QĐXXST-DS ngày 27/3/2024, giữa các đương sự

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

*Tất cả có mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 21/9/2023 của nguyên đơn, lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:** Vào ngày 20/11/2019 âm lịch, bà L có mở dây hụi loại 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm có 41 chung, bà C chơi 03 chung. Quá trình khui hụi bà C đã hót hết 03 chung hụi, bà L đã giao đủ tiền hụi cho bà C nhận, việc giao tiền hụi không có làm biên nhận. Dây hụi này đã mãn hụi. Giữa bà L và bà Cẩm c nợ hụi lại bà C còn nợ 30.000.000 đồng, sau đó bà C có trả được số tiền 18.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 12.000.000 đồng chưa thanh toán. Vào ngày 25/4/2020 âm lịch, bà L có mở dây hụi loại 2.000.000 đồng, 01 tháng

khui 01 lần, hụi gồm có 45 chung, bà C chơi 06 chung. Quá trình khai hụi bà C đã hốt hết 05 chung hụi, bà L đã giao đủ tiền hụi cho bà C nhận, việc giao tiền hụi không có làm biên nhận; còn sống 01 chung đóng được 32 lần (bà Lê g nhưng bà C không tiếp tục đóng). Dây hụi này đã đình hụi tháng 10/2022 âm lịch. 05 chung hụi chết còn nợ đến mãn hụi X 13 lần = 130.000.000 đồng. Còn chung hụi sống đóng được vốn lãi là 64.000.000 đồng. Đối trừ hụi sống và hụi chết thì bà C còn nợ bà L 66.000.000 đồng.

Vào khoảng đầu năm 2023 dương lịch chính quyền ấp L có tổ chức hoà giải tranh chấp hụi giữa bà L và bà C, thành phần hoà giải có bà Phạm Thị N, ông Nguyễn Chí N1, bà Nguyễn Hồng M và bà Phạm Thị D. Nội dung hoà giải theo đơn yêu cầu của bà L về việc tranh chấp 01 dây hụi khai ngày 25/4/2020 âm lịch (bà L cho rằng bà C còn sống 01 chung, còn bà C cho rằng còn sống 02 chung), tại buổi hoà giải thì có tính toán trường hợp bà C còn sống 02 chung sau khi đối trừ hụi với nhau thì bà C còn phải trả cho bà L tổng số tiền 18.000.000 đồng là xong, nhưng bà L không đồng ý, nên cuộc hoà giải kết thúc không thành. Sau buổi hoà giải trong lúc đi về thì bà L có gặp bà M và bà D đồng thời nói nội dung buổi hoà giải tính hụi bà C trả cho bà L 18.000.000 đồng là thoả thuận xong các dây hụi thì bà L cũng đồng ý (vớ lý do muốn nhận đại trước để có tiền tạm trả hụi cho bà con qua tết rồi tính tiếp, vì lúc đó bà Lê q khó khăn không có tiền trả cho hụi viên có hụi sống) và đồng thời nhờ bà M nhận tiền dùm. Sau đó bà M có giao trực tiếp số tiền 18.000.000 đồng của bà C đưa cho bà Lê n và có làm biên nhận bà C có ký tên.

*Nay bà L yêu cầu bà C trả tổng số tiền hụi là 78.000.000 đồng.*

**- Lờ trình bày của bị đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:** Thống nhất với lờ trình bày của bà L về dây hụi khai ngày 20/11/2019 âm lịch. Đối với dây hụi khai ngày 25/4/2020 âm lịch, bà L có mở dây hụi loại 2.000.000 đồng, 01 tháng khai 01 lần, hụi gồm có 45 chung, bà C chơi 06 chung, quá trình khai hụi bà C đã hốt hết 04 chung hụi và nhận đủ tiền hụi do bà Lê g1, còn 02 chung hụi sống đóng được 32 lần (thì bà L không tiếp tục gom do đình hụi); dây hụi này bà L cho rằng bà C đã hốt hết 05 chung, nên phát sinh tranh chấp. Vào đầu năm 2023 dương lịch chính quyền ấp L có tổ chức hoà giải tranh chấp hụi giữa bà C và bà Lê t đơn yêu cầu của bà L, nội dung hoà giải tính toán số tiền hụi thì bà C phải trả cho bà L số tiền 18.000.000 đồng là xong, nhưng bà L không đồng ý, sau đó bà M gặp trực tiếp bà C nói bà L đồng ý nhận số tiền 18.000.0000 đồng và bà C có đưa cho bà M 18.000.000 đồng để nhờ trả cho bà L. Bà C xác định đã thoả thuận xong nội dung tranh chấp hụi và đã thanh toán tiền hụi xong cho bà L.

*Nay bà C không đồng ý trước toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L. Xin rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố yêu cầu bà Lê t1 cho bà C số tiền 12.000.000 đồng ở dây hụi khai ngày ngày 25/4/2020 âm lịch.*

**- Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu:**

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tiến hành và thực hiện đúng theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu bà C trả số tiền hụi 78.000.000 đồng; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà C về việc yêu cầu bà L trả số tiền hụi 12.000.000 đồng. Án phí các đương sự được miễn theo quy định.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hụi theo thỏa thuận giữa chủ hụi và các hụi viên, nên khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán tiền nợ hụi và bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp hụi*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] *Về pháp luật áp dụng:* Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[3] *Về phạm vi yêu cầu được xem xét trong vụ án:*

[3.1] Theo đơn khởi kiện ban đầu nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán số tiền hụi 12.000.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bị đơn thanh toán thêm số tiền hụi 66.000.000 đồng và bị đơn có yêu cầu phản tố yêu cầu nguyên đơn trả số tiền hụi 12.000.000 đồng. Xét thấy các đương sự đã có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu, các đương sự thuộc trường hợp được miễn án phí và đã được xem xét thụ lý theo quy định trong vụ án này là đúng.

[3.2] Tại phiên tòa, bị đơn rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố. Xét thấy việc rút yêu cầu phản tố là hoàn toàn tự nguyện, nên căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn đối với tiền hụi 12.000.000 đồng.

[4] *Về nội dung tranh chấp và xét ý kiến và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến và yêu cầu phản tố của bị đơn:*

Các đương sự đều thống nhất nội dung tranh chấp giữa các bên đã được giải quyết tại áp L vào đầu năm 2023, đồng thời các bên đều thừa nhận tại buổi hoà giải có tính toán tiền hụi bà C trả cho bà L 18.000.000 đồng là xong, nhưng các bên không thống nhất. Hội đồng xét xử xét thấy bà L thừa nhận có nhận số tiền hụi

18.000.000 đồng từ bà M do bà C đưa, qua xem xét lời khai của bà M và bà D (Bút lục số 56) thì xác định được bà M và D có tham gia buổi hoà giải tranh chấp giữa bà L và bà C, sau buổi hoà giải trong lúc đi về thì bà L có gặp bà M và bà D nói nội dung buổi hoà giải tính hụi bà C trả cho bà L 18.000.000 đồng là thoả thuận xong các dây hụi thì bà L cũng đồng ý và có nhờ bà M báo lại với chính quyền ấp và bà C, đồng thời nhờ bà M nhận tiền dùm. Như vậy, có cơ sở chứng minh được bà L đã thể hiện ý chí thống nhất kết nợ hụi với bà C số 18.000.000 đồng, nên bà L mới nhận số tiền 18.000.000 đồng từ bà M do bà C đưa. Đối với trình bày của bà L cho rằng việc “*nhận tiền là nhận đại trước để có tiền tạm trả hụi cho bà con qua tết rồi tính tiếp*” là không có cơ sở để xem xét, bởi lẽ bà L cũng nhận thức được nếu như nhận số tiền 18.000.000 đồng từ bà C thì xem như sự việc tranh chấp hụi giữa bà L và bà C đã được giải quyết xong như việc tính toán tại buổi hoà giải. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà L yêu cầu bà C trả số tiền nợ hụi 78.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự (BLDS); khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biếu, phường (Nghị định 19).

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ và kết luận nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn, bị đơn là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (Nghị quyết 326).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Điều 244 BLTTDS; Điều 471 BLDS; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định 19; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326.

#### **1. Tuyên xử:**

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị C trả số tiền hụi 78.000.000 đồng.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị C, về việc yêu cầu nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lê t2 số tiền hụi 12.000.000 đồng.

#### **2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:**

Nguyên đơn và bị đơn thuộc trường hợp được miễn dự nộp tiền tạm ứng án phí và án phí.

**3. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự, NTGTT khác;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(ĐÃ KÝ)**

**Trương Huỳnh Hải**